

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2021/HS-ST**
Ngày 14/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hảo;
Ông Trịnh Xuân Tháp.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2020/HSST-QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Quang H**, sinh năm 1997; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1975; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 18/02/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 360/LTG ngày 26/02/2020, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 04/3/2020 theo Quyết định số: 01/QĐ-VKSVC ngày 04/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu; bị cáo bắt tạm giam ngày 06/11/2020 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 32/LBTG ngày 21/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu; bị cáo có mặt.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1980; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1950 và bà

Phạm Thị L, sinh năm 1953; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo sống chung như vợ chồng với Nãi Thị Na U, sinh năm 1994 (chưa có đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số: 69/2015/HSST ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã xử phạt Nguyễn Mạnh H 02 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2015, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 11/02/2020, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 15/02/2020 theo Quyết định số: 305/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 14/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu; hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1995; tên gọi khác: T Cụt; nơi sinh tỉnh An Giang; nơi cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị Thu L, sinh năm 1972; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số: 02/2013/HSST ngày 10/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt Nguyễn Thanh T 03 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2012, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án; Bản án số: 37/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt Nguyễn Thanh T 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2014, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 11/02/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 259/LTG ngày 13/02/2020, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 12/5/2020 theo Quyết định số: 03/QĐ-VKSVC ngày 12/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu; ngày 21/12/2020, bị cáo T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đã bị lực lượng Công an xã Thạnh Phú kết hợp với Đội Hình sự - Kinh tế - Ma túy Công an huyện Vĩnh Cửu tiến hành kiểm tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển đến tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Cửu; bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* Ông Ngô Văn Định - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- *Bị hại:* Công ty C;

Địa chỉ trụ sở: đường K, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trung K - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Việt T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 9A, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2020. (Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Văn S, sinh năm 1950; nơi cư trú: xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Đạt T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu phố 5, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: 74/2B, khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Ông Huỳnh Trọng L, sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp 2, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp 3B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang H được tuyển dụng vào Công ty C theo hợp đồng lao động số 170419.1/FRTMN/PR4 thời hạn 12 tháng từ ngày 17/4/2019 đến ngày 16/4/2020 và được cử về làm việc tại cửa hàng F thuộc ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Cửa hàng F có 01 bảo vệ và 04 nhân viên chia thành 02 tổ làm việc: Tổ 1 có ông Phan Văn Đ là tổ trưởng, bà Trần Thị Ngọc N làm nhân viên bán hàng đa nhiệm trực tiếp thực hiện công việc trưng bày, quản lý hàng hóa tại quầy, tư vấn, bán hàng, thủ kho, kế toán, thu tiền của khách hàng, quản lý quỹ tiền mặt, kết sắt của cửa hàng trong ca trực. Tổ 2 có ông Lê Ngọc P là quản lý chung của cửa hàng F đồng thời là tổ trưởng ca làm việc, Trần Quang H làm nhân viên bán hàng đa nhiệm trực tiếp thực hiện công việc trưng bày, quản lý hàng hóa tại quầy, tư vấn, bán hàng, thủ kho, kế toán, thu tiền của khách hàng, quản lý quỹ tiền mặt, kết sắt trong ca trực.

Lúc 14 giờ 30 phút ngày 08/02/2020, bà Nhung và H tiến hành kiểm kê tài sản, kiểm đếm tiền mặt tại cửa hàng, đối chiếu tiền mặt với số tiền đã giao dịch được ghi nhận trên hệ thống điện tử rồi bàn giao ca dưới sự giám sát của ông Đ. Ghi nhận trong kết sắt tại cửa hàng có lưu quỹ một cọc tiền đã niêm phong là số tiền giao dịch của ngày 07/02/2020 (do ngày 08/02/2020 là ngày thứ bảy nên chưa nộp vào ngân hàng). Số tiền giao dịch của ngày 08/02/2020 đến thời điểm giao ca, bà N kiểm đếm, đối chiếu đủ, bàn giao lại cho H nhưng không nhớ số tiền cụ thể do không lập biên bản khi bàn giao ca. Trong ca làm việc chiều ngày 08/02/2020 và sáng ngày 09/02/2020, do cần tiền chơi game, H 07 lần thực hiện việc chuyển 80.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty C cấp cho H vào ví điện

từ MoMo của 02 người H đã từng giao dịch trước đó có tên NGUYEN DAT THIEP, NGUYEN VAN TOAN. Cụ thể như sau:

- Ngày 08/02/2020, H 05 lần chuyển tiền vào tài khoản có tên NGUYEN DAT THIEP:

- + Lúc 14 giờ 40 phút ngày 08/02/2020, H chuyển số tiền 3.000.000 đồng.
- + Lúc 14 giờ 55 phút ngày 08/02/2020, H chuyển số tiền 7.000.000 đồng.
- + Lúc 15 giờ 42 phút ngày 08/02/2020, H chuyển số tiền 10.000.000 đồng.
- + Lúc 16 giờ 34 phút ngày 08/02/2020, H chuyển số tiền 10.000.000 đồng.
- + Lúc 16 giờ 45 phút ngày 08/02/2020, H chuyển số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 09/02/2020, H 02 lần chuyển tiền vào tài khoản có tên NGUYEN VAN TOAN:

- + Lúc 07 giờ 30 phút ngày 09/02/2020, H chuyển số tiền 20.000.000 đồng.
- + Lúc 07 giờ 56 phút ngày 09/02/2020, H chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Khi khách hàng đến giao dịch, H thu tiền mặt rồi thông qua giao dịch Payoo hoàn lại 12.385.000 đồng tiền chiếm đoạt, tiền thu của khách hàng H sử dụng thẻ ATM cà vào máy Poss ghi nợ vào tài khoản của H.

Do H sử dụng tiền của Công ty C để chơi game và đã thua hết nên H nảy sinh ý định tạo dựng vụ trộm cắp tài sản tại cửa hàng để không phải trả lại tiền và trốn tránh trách nhiệm. H biết Nguyễn Mạnh H là khách hàng thường xuyên đến cửa hàng F giao dịch nên sáng ngày 09/02/2020, H sử dụng điện thoại hiệu Nokia có số thuê bao 0569075555 (H đã rút bỏ sim) và số thuê bao 0336325199 gọi điện cho H theo số thuê bao 0986287170 báo cho H biết buổi trưa ở cửa hàng F vắng người và rủ H đến lấy trộm tiền. H sợ bị nhận diện qua hệ thống camera nên rủ Nguyễn Thanh T đến lấy trộm tiền tại cửa hàng F, T đồng ý. H gọi điện báo lại cho H biết đã tìm được người thực hiện vụ trộm đồng thời mở loa ngoài cho T nghe nên T biết được có người trong cửa hàng F hỗ trợ thực hiện lấy trộm tài sản. Khoảng 10 giờ ngày 09/02/2020, ông Lê Ngọc P yêu cầu H kiểm đếm tiền đã giao dịch trong ca ngày 08/02/2020 và sáng ngày 09/02/2020, H kiểm tra có 48.000.000 đồng tiền mặt là tiền giao dịch của ngày 08/02/2020 và thâm hụt 67.615.180 đồng trên hệ thống. H bỏ 48.000.000 đồng vào két sắt bên trong đã có cọc tiền giao dịch của ngày 07/02/2020 được niêm phong và để luôn chìa khóa tại ổ khóa của két sắt. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số 72X2-8296 chở T đến hẻm Văn Phương gần cửa hàng F. H gọi điện cho H hỏi vào được chưa, H trả lời không rõ nội dung nên H biết chưa vào được, một lúc sau H gọi điện cho H báo vào được rồi. Để tạo chứng cứ ngoại phạm, H xin ông Lê Ngọc P đang ở trong phòng nhân viên cho H đi ra ngoài mua đồ ăn nước uống. H thông báo nên T đột nhập vào bên trong cửa hàng F mở cửa két sắt lấy 01 cọc tiền cất trong người rồi đi ra ngoài được H chở về nhà nghỉ 879 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. H và T kiểm đếm được số tiền 48.000.000 đồng nên H chia cho T 17.000.000 đồng tiền mặt và mua cho T 01 điện thoại di động Samsung giá 1.200.000 đồng (điện thoại T đã cho bạn tên Ủn không rõ họ tên, địa chỉ), H giữ 14.800.000 đồng và báo cho H biết đã chiếm đoạt được tiền. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông Lê Ngọc P yêu cầu H kiểm đếm tiền thu chi, H kiểm tra và báo cho ông P biết bị mất tiền nên H và ông P đến Cơ quan Công an trình báo. Ngày

10/02/2020, H được H chia cho 15.000.000 đồng bằng hình thức đưa thẻ ATM của H cho H. H cả thẻ ATM của H vào máy Poss tại cửa hàng F hoàn lại số tiền 12.385.000 đồng vào tài khoản ghi nợ trước đó đã nhận tiền mặt của khách hàng qua giao dịch thu hộ nhưng do nhầm lẫn nên H chuyển số tiền là 14.000.000 đồng. Ngày 11/02/2020, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thanh T đến Công an xã T, huyện V đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Ngày 18/02/2020, Trần Quang H đến Công an huyện Vĩnh Cửu đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- Thu giữ của Trần Quang H: 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số sim 0336325199; 01 thẻ ATM mã số 9704050874222503 mang tên Nguyễn Mạnh H.

- Thu giữ của Nguyễn Mạnh H: 01 xe mô tô biển số 72X2-8296; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia X1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen; số tiền 14.800.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Thanh T: Số tiền 7.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả cho người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT số tiền 21.800.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Ngày 22/02/2020, bà Nguyễn Thị A là mẹ của Trần Quang H đã bồi thường cho Công ty C số tiền 67.615.000 đồng.

Ngày 12/11/2020, ông Trần Quang H là bố của Trần Quang H nộp bồi thường cho Công ty C số tiền 13.385.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Ngày 24/12/2020, Công ty C đã nhận số tiền 11.200.000 đồng của gia đình Nguyễn Thanh T nộp bồi thường.

Bản Cáo trạng số: 115/CT-VKSVC ngày 13/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố bị cáo Trần Quang H về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Thanh T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi công bố bản cáo trạng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã rút một phần về tiền án của bị cáo Nguyễn Thanh T do Bản án số: 37/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù, án phí, sung công và phần bồi thường dân sự cho bà Nguyễn Thị Diệu H.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Quang H từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại, giao trả cho Công ty C số tiền bồi thường 13.385.000 đồng đang tạm giữ tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu; về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật; về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Các bị cáo không phát biểu tranh luận và không trình bày lời bào chữa.

Luật sư Ngô Văn Định trình bày lời bào chữa cho bị cáo H: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trần Quang H được tuyển dụng làm nhân viên bán hàng đa nhiệm tại Công ty C chi nhánh Đồng Nai. Ngày 08/02/2020 và sáng ngày 09/02/2020, tại cửa hàng F thuộc ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Trần Quang H là người được giao trực tiếp quản lý tiền tại cửa hàng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng; đồng thời câu kết với Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thanh T bằng cách tạo dựng vụ trộm cắp tài sản để chiếm đoạt thêm số tiền 48.000.000 đồng mà chính H có trách nhiệm quản lý, nên H phải chịu hậu quả chung của tổng số tiền chiếm đoạt là 128.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 48.000.000 đồng, H chia cho H 15.000.000 đồng, chia cho T 17.000.000 đồng và mua cho T 01 điện thoại di động Samsung giá 1.200.000 đồng, còn H giữ lại số tiền 14.800.000 đồng.

Như vậy, Trần Quang H được hưởng lợi số tiền 95.000.000 đồng; Nguyễn Mạnh H được hưởng lợi số tiền 14.800.000 đồng; Nguyễn Thanh T được hưởng lợi số tiền 18.200.000 đồng.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Quang H đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” với 02 tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” và “chiếm đoạt tài sản giá trị từ 100.000.000

đồng đến dưới 500.000.000 đồng” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Thanh T đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự;

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự hoạt động đúng đắn của doanh nghiệp Công ty C, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của doanh nghiệp được Nhà nước bảo vệ, đồng thời gây nghi ngờ lẫn nhau trong nội bộ nhân viên Công ty, làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo H là nhân viên đa nhiệm của Công ty đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng và rủ rê Nguyễn Mạnh H, H rủ thêm Nguyễn Thanh T tham gia chiếm đoạt thêm số tiền 48.000.000 đồng bằng thủ đoạn tạo dựng vụ trộm cắp tài sản, thông tin và tạo điều kiện cho H, T biết nơi để tiền là két sắt không khóa do chính mình đang quản lý để thực hiện hành vi tham ô tài sản, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò là vừa là người thực hành vừa là người chủ mưu trong vụ án nên hình phạt dành cho bị cáo phải nghiêm khắc.

Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Thanh T tuy không phải là nhân viên của Công ty C, nhưng khi được H bàn bạc, rủ rê chiếm đoạt số tiền mà H được giao quản lý thì H đã đồng ý và rủ thêm T tham gia, T đồng ý và cũng biết rõ có người bên trong cửa hàng F hỗ trợ việc chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H đã chở T đến hẻm gần cửa hàng F để T đột nhập vào cửa hàng mở két sắt chiếm đoạt số tiền 48.000.000 đồng, nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm với vai trò là người giúp sức và bị cáo T phải chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành trong vụ án.

Mặc dù bị cáo T không thừa nhận có hành vi tham ô tài sản mà thừa nhận có hành vi trộm cắp tài sản, vì bị cáo T cho rằng mình không phải là nhân viên Công ty (người có chức vụ, quyền hạn); tuy nhiên như đã phân tích nêu trên, đây là vụ án có đồng phạm “là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”, bị cáo H là nhân viên đa nhiệm của Công ty (người có chức vụ, quyền hạn) với vai trò là người chủ mưu, người thực hành bị xử lý về tội “Tham ô tài sản” thì bị cáo H và T là đồng phạm trong vụ án cố ý cùng thực hiện một tội phạm cũng phải bị xử lý về cùng một hành vi tham ô tài sản, nên T không nhất thiết phải là người có chức vụ, quyền hạn.

Xét tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia tội phạm của hai bị cáo H và T trong vụ án là ngang nhau, cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu; năm 2015, bị cáo H đã bị Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; năm 2013 - 2014, bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 03 tháng tù và 09 tháng tù đều về tội: “Trộm cắp tài sản” nên mức hình phạt đối với hai bị cáo được áp dụng bằng nhau. Do vậy cần phải xử phạt các bị cáo H, T và H một mức án tương xứng để các bị cáo lấy đó làm bài học cho mình mà tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều ra đầu thú; bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và áp dụng Điều 54 (đối với bị cáo H); Điều 58 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho từng bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo qui định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự qui định: “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do bị cáo H không còn là nhân viên của Công ty C và cũng như các bị cáo H, T đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Công ty C đã nhận số tiền bồi thường 114.615.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; đối với số tiền 13.385.000 đồng do ông Trần Quang H (bố của bị cáo H) nộp bồi thường hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Cửu, Hội đồng xét xử giao trả lại số tiền này cho Công ty C.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Nokia có sim mã số 8984 04800 00662 25674; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia X1; 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 72X2-8296 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen; 01 thẻ ATM mã số 9704050874222503.

[8] Ngoài ra, bị cáo Trần Quang H còn có hành vi chuyển tiền vào ví điện tử Momo có tên NGUYEN DAT THIEP, NGUYEN VAN TOAN để chơi game. Hành vi này của H có dấu hiệu của tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đang tiếp tục làm rõ xử lý là phù hợp theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Quan điểm và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo H tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Thanh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quang H 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 18/02/2020 đến ngày 04/3/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước từ ngày 11/02/2020 đến ngày 15/02/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2020, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 11/02/2020 đến ngày 12/5/2020.

Căn cứ Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 45, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Giao trả cho Công ty C số tiền 13.385.000đ (Mười ba triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001965 ngày 12/11/2020 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Nokia có sim mã số 8984 04800 00662 25674; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia X1; 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 72X2-8296. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen; 01 thẻ ATM mã số 9704050874222503. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan Thi Hình án hình sự huyện Vĩnh Cửu;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi Hình án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đường Anh Sơn